

GIỚI THIỆU MỘT SỐ CÔNG CỤ TRA CỨU THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

I. CÔNG CỤ TRADE MAP – BẢN ĐỒ THƯƠNG MẠI CỦA ITC

www.trademap.org

1. Giới thiệu chung về Trade Map

1.1. Vì sao nên sử dụng công cụ Trade Map

Khi theo dõi thị trường thế giới nhằm tìm kiếm cơ hội xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp và các tổ chức xúc tiến thương mại thường gặp phải các câu hỏi sau:

- Quy mô thị trường thế giới cho một loại hàng hóa cụ thể lớn đến mức nào?
- Xu hướng thay đổi của thị trường đó ra sao? Ví dụ, thị trường đang tăng hay giảm? Tăng bao nhiêu?
- Đối với một mặt hàng cụ thể, Việt Nam hiện đang có quan hệ thương mại với những quốc gia nào?
- Liệu có thể tìm kiếm được thị trường mới hoặc thay thế những thị trường đã có không?
- Khi tiếp cận thị trường một nước nhập khẩu cụ thể thì sẽ gặp phải những rào cản nào?
- Đối với mỗi sản phẩm xuất khẩu, có những quốc gia nào đang cạnh tranh với Việt Nam trong việc cung cấp sản phẩm đó cho một nước nhập khẩu cụ thể hoặc cho toàn thế giới?

Các tổ chức xúc tiến thương mại thường phải xác định được các lĩnh vực và quốc gia nào mình cần chú trọng. Việc phân tích cụ thể các số liệu thống kê thương mại quốc tế sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho Việt Nam, đồng thời xác định được những mặt hàng và thị trường xuất khẩu cần được ưu tiên phát triển. Các câu hỏi thường gặp là:

- Những sản phẩm và thị trường nào nên được ưu tiên xúc tiến thương mại?
- Quốc gia nào xuất khẩu vào Việt Nam?
- Liệu có thể tìm được các nguồn cung khác không?
- Thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam?

- Những sản phẩm nào Việt Nam có tiềm năng xuất khẩu sang một đối tác cụ thể?
- Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và một (số) quốc gia khác?

Để trả lời những câu hỏi trên, Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC) đã xây dựng công cụ tra cứu Trade Map. Công cụ này nhằm giúp các doanh nghiệp và cơ quan xúc tiến thương mại tìm hiểu và nghiên cứu các sản phẩm và thị trường chiến lược.

Trade Map hệ thống hóa rất nhiều dữ liệu thương mại sơ cấp và trình bày dữ liệu dưới dạng tiện dụng, thân thiện với người dùng mà không cần mất thời gian cài đặt phần mềm. Trade Map cung cấp số liệu về xuất nhập khẩu và thuế quan của từng sản phẩm ở từng quốc gia. Người dùng có thể tra cứu nhu cầu của thị trường, các thị trường thay thế và cả các đối thủ cạnh tranh. Trade Map đưa thông tin dưới dạng bảng, biểu đồ, bản đồ và cho phép lọc dữ liệu xuất nhập khẩu theo hàng hóa, theo quốc gia, theo nhóm sản phẩm hoặc nhóm quốc gia.

1.2. Danh mục Hàng hóa, Nguồn dữ liệu của Trade Map

Danh mục Hàng hóa

Trade Map dựa trên Hệ thống Hải hòa (Harmonized System - HS). Hệ thống Hải hòa là một phương pháp phân loại và gọi tên sản phẩm do Tổ chức Hải Quan Thế giới (www.wcoomd.org) phát hành. Hệ thống này cho phép các quốc gia phân loại hàng hóa nhằm phục vụ mục đích hải quan. Ở cấp quốc tế, Hệ thống Hải hòa phân loại hàng hóa theo mã 6 số, bao gồm 21 phần, 99 chương và 5.300 nhóm và phân nhóm. Ở cấp quốc gia, hàng hóa được phân loại tiếp thành 8 hoặc 10 số - các quốc gia được tự do trong việc đưa ra phân loại chi tiết này.

Nguồn thông tin đầu vào

Trade Map sử dụng rất nhiều nguồn thông tin đầu vào. Trước tiên, Trade Map dựa trên cơ sở dữ liệu lớn nhất thế giới về thống kê thương mại, COMTRADE, do Cơ quan Thống kê Liên Hợp Quốc (UNSD) lưu trữ - <http://unstats.un.org/unsd/comtrade>. COMTRADE bao gồm hơn 90% thương mại thế giới của khoảng 200 quốc gia. Trade Map còn có khả năng cung cấp dữ liệu của nhiều nước và các vùng lãnh thổ hơn nữa (khoảng 220) bằng cách sử dụng cả thống kê trực tiếp (báo cáo quốc gia) và gián tiếp. Dữ liệu được trình bày ở cấp độ 2, 4 hoặc 6 chữ số của hệ thống HS.

Trade Map không chỉ cung cấp dữ liệu trực tiếp do các quốc gia báo cáo hàng năm, mà cả dữ liệu gián tiếp của khoảng 50 quốc gia (chủ yếu các nước có thu nhập thấp) mà không

có báo cáo lên COMTRADE. Các thông tin thương mại của các quốc gia này được tính toán dựa trên cơ sở báo cáo của các quốc gia khác có quan hệ thương mại với họ, hoặc dựa trên thống kê gián tiếp (mirrors statistics). Mặc dù thống kê gián tiếp có nhiều nhược điểm, nhưng bù lại nó có thể cung cấp lượng lớn thông tin mà không thể tìm được ở bất kỳ một nguồn nào khác. Việc kết hợp giữa thống kê trực tiếp và gián tiếp này cho phép tính toán tốt nhất về thị trường toàn cầu của tất cả các loại sản phẩm. Trên trang web, dữ liệu gián tiếp sẽ được in màu da cam nhằm phân biệt với dữ liệu trực tiếp.

Trademap không chỉ cung cấp dữ liệu về giá trị thương mại (xuất nhập khẩu) mà còn bao gồm cả dữ liệu về thuế quan ở cấp độ 8 và 10 chữ số (cấp quốc gia) của hơn 120 quốc gia được cập nhật hàng năm và hơn 50 quốc gia cập nhật dữ liệu hàng quý hoặc hàng tháng (chủ yếu là các nước OECD). ITC thu thập dữ liệu thuế quan trực tiếp từ các cơ quan có thẩm quyền của những quốc gia này (Ví dụ từ Hải quan hay Bộ Thương mại)

Mức thuế quan được thể hiện trên Trade Map là thuế tính theo giá trị (Ad Valorem Equivalents) áp dụng bởi hơn 180 quốc gia. Những dữ liệu này được trích xuất từ cơ sở dữ liệu của Market Access Map. Chỉ cần nhấp chuột vào phần thuế giá trị tương đương, người đọc sẽ được kết đến trang web Market Access Map tại địa chỉ www.macmap.org. Market Access Map là một công cụ khác của ITC cung cấp các thông tin về các biện pháp tiếp cận thị trường, các hiệp định thương mại và quy tắc xuất xứ.

2. Hướng dẫn sử dụng Trade Map

2.1. Đăng ký

Để sử dụng Trade Map, người dùng chỉ cần đăng ký một tài khoản bằng email trên trang web của ITC sau đó có thể đăng nhập và sử dụng tất cả các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC, bao gồm Trade Map (Bản đồ Thương mại), Market Access Map (Bản đồ Tiếp cận Thị trường), Investment Map (Bản đồ Đầu tư), Trade Competitiveness Map (Bản đồ Cạnh tranh Thương mại), và Standards Map (Bản đồ Tiêu chuẩn). Thông tin chi tiết về các công cụ trên có thể truy cập tại: <https://marketanalysis.intracen.org>

Đăng ký tài khoản sử dụng Trademap và các công cụ trên tại: <https://mas-admintools.intracen.org/accounts/Registration.aspx>

2.2. Hướng dẫn sử dụng nhanh

ITC đã biên soạn một cẩm nang hướng dẫn sử dụng chi tiết công cụ Trade Map tại đường link:

http://www.intracen.org/uploadedFiles/intracenorg/Content/Exporters/Market_Data_and_Information/Market_Analysis_Tools/TradeMap-Userguide-EN.pdf

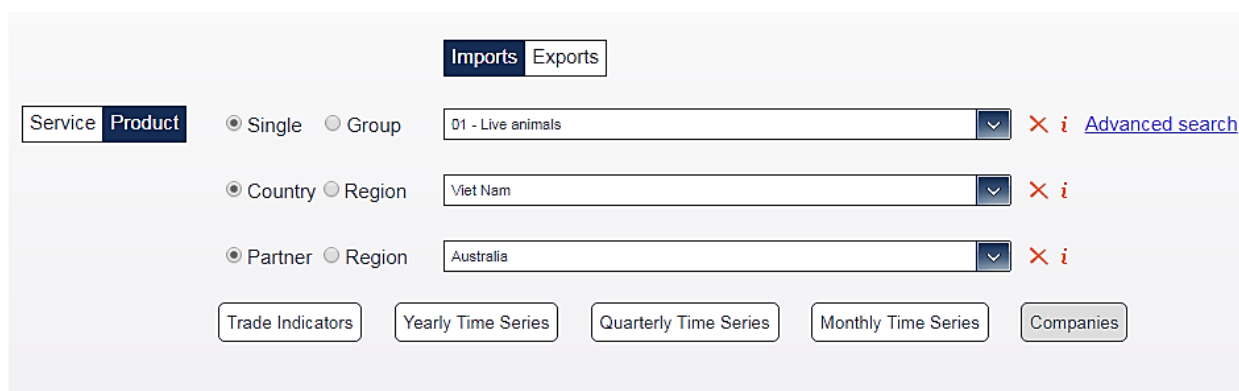
Trung tâm WTO và Hội nhập của VCCI đã biên dịch cẩm nang này sang tiếng Việt, người đọc có thể truy cập tại: <http://www.trungtamwto.vn/an-pham/cam-nang-huong-dan-su-dung-cong-cu-trade-map-cua-itc>

Dưới đây là hướng dẫn sử dụng nhanh công cụ này.

Bước 1. Lựa chọn sản phẩm và nước

Sau khi đăng nhập, người dùng vào trang chủ của Trade Map tại link <https://www.trademap.org> và lựa chọn số liệu cần tìm là Imports (Nhập khẩu) hay Export (Xuất khẩu), loại sản phẩm là Service (Dịch vụ) hay Product (Hàng hóa). Sau đó lựa chọn loại sản phẩm trong ô trống đầu tiên, nước quan tâm trong ô trống thứ hai, và đối tác thương mại của nước đó trong ô trống thứ ba (Hình 1).

Hình 1.



The screenshot shows the Trade Map search interface. At the top, there are two tabs: 'Imports' (selected) and 'Exports'. Below this, there are three main filter sections: 1. 'Service' and 'Product' tabs, with 'Product' selected. Underneath, there are radio buttons for 'Single' (selected) and 'Group'. A dropdown menu shows 'D1 - Live animals'. To the right of this dropdown is a red 'X' icon and a link for 'Advanced search'. 2. 'Country' and 'Region' tabs, with 'Country' selected. A dropdown menu shows 'Viet Nam'. To the right is a red 'X' icon and an 'i' icon. 3. 'Partner' and 'Region' tabs, with 'Partner' selected. A dropdown menu shows 'Australia'. To the right is a red 'X' icon and an 'i' icon. At the bottom, there are five buttons: 'Trade Indicators', 'Yearly Time Series', 'Quarterly Time Series', 'Monthly Time Series', and 'Companies'.

Bước 2. Lựa chọn loại thông tin tra cứu

Sau khi hoàn thành lựa chọn sản phẩm, nước quan tâm và đối tác, người dùng sẽ chọn loại thông tin tìm kiếm (Hình 1), bao gồm:

- **Trade Indicators** (các chỉ tiêu thương mại): cung cấp số liệu trao đổi thương mại (xuất hoặc nhập khẩu tùy theo lựa chọn ban đầu) của sản phẩm được lựa chọn, giữa hai nước được lựa chọn trong năm gần nhất có số liệu. Ngoài ra, phần này còn cung cấp số liệu thương mại của hai nước đó với thế giới.

- **Yearly Time Series, Quarterly Time Series, Montly Time Series** (Số liệu theo năm, quý hoặc tháng): cung cấp số liệu trao đổi thương mại của nhiều năm, qua đó giúp người dùng có được cái nhìn tổng thể về tốc độ tăng giảm xuất/nhập khẩu sản phẩm liên quan giữa hai bên qua các năm/quý/tháng.

Bước 3. Tùy chỉnh loại thông tin và hình thức thể hiện theo nhu cầu

Khi bảng thông tin hiện ra theo các lựa chọn ở Bước 1 và 2, người dùng có thể tiếp tục thay đổi các lựa chọn theo nhu cầu nghiên cứu:

- **Sản phẩm:** Người dùng có thể xem số liệu thương mại của các sản phẩm chi tiết đến từng cấp độ HS 2,4 và 6 số. Ngoài ra Trade Map cũng cung cấp số liệu cho nhóm sản phẩm, bao gồm: Nhóm sản phẩm làm từ bông, da và các ngành công nghiệp sáng tạo.
- **Nước:** Người dùng có thể xem số liệu theo từng nước riêng lẻ hoặc theo một nhóm nước (như EU, ASEAN)
- **Các lựa chọn thông tin khác:** người dùng cũng có thể lựa chọn đơn vị của số liệu là giá trị hay khối lượng, loại tiền tệ là USD hay các loại tiền tệ khác.
- **Hình thức thông tin:** Thông tin có thể được thể hiện dưới dạng bảng biểu, đồ thị hay bản đồ
- **Dạng download:** Thông tin có thể download dưới các dạng file Excel, Word hoặc Text.

II. CÔNG CỤ MACMAP - BẢN ĐỒ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG CỦA ITC

<http://www.macmap.org/>

1. Giới thiệu chung về MAcMap

Tuwonng tự Trade Map, Market Access Map (MacMap) cũng do Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC) xây dựng và phát triển. Tuy nhiên, trong khi công cụ Trade Map (Bản đồ Thương mại) cung cấp các số liệu thương mại (xuất nhập khẩu) giữa các nước thì công cụ MAcMap cung cấp các thông tin về các rào cản tiếp cận thị trường đối với hàng hóa. Các rào cản này bao gồm cả thuế quan và các biện pháp phi thuế quan áp dụng đối với một loại sản phẩm hàng hóa. **Cụ thể, về thuế quan, MAcMap cung cấp cả mức thuế Tối huệ quốc (MFN) và thuế ưu đãi đơn phương (như GSP) và thuế ưu đãi theo các thỏa thuận song phương và đa phương.** Người dùng cũng có thể tìm thấy các mức thuế tương đương tính theo trị giá hàng hóa đối với các sản phẩm mà có thuế không tính theo trị giá hàng hóa (ví dụ tính theo khối lượng sản phẩm) để so sánh thuế quan áp dụng giữa các nước khác nhau. Về các rào cản phi thuế quan, MAcMap bao gồm các quy định về hạn ngạch nhập khẩu, các biện pháp phòng vệ thương mại, quy tắc xuất xứ cũng như các yêu cầu về chứng nhận, các rào cản phi thương mại khác.

Cụ thể, MAcMap cung cấp:

- Một hệ thống dữ liệu về thuế MFN áp dụng và thuế ưu đãi của hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ
- Một cơ sở dữ liệu mới về các biện pháp phi thuế quan được phân loại theo quy chuẩn phân loại của các tổ chức thế giới có uy tín.
- Các dữ liệu tổng hợp, cập nhật và xuyên suốt về thuế quan, thương mại và các rào cản phi thương mại từ các nguồn khác nhau.
- Các phương pháp khác nhau để tính toán thuế theo giá trị tương đương của các mức thuế không tính theo giá trị và thuế bình quân theo trị giá thương mại.
- Lựa chọn sản phẩm tra cứu linh hoạt dựa trên hai hệ thống phân loại thế giới: Hệ thống Hải hòa hải quan (HS) và Hệ thống Thương mại Quốc tế Tiêu chuẩn (SITC)
- Tiếp cận dữ liệu theo chuỗi thời gian và cho phép khả năng tải tài liệu gốc
- Tính linh hoạt cho phép người sử dụng đưa ra các tình huống giả định về lộ trình cắt giảm thuế
- Cho phép chia sẻ thông tin tra cứu với người dùng khác

Đặc biệt, hiện tại MACMap có **một mục riêng về TPP** cho phép tra cứu mức thuế cam kết của mỗi nước thành viên TPP trong hiệp định này.

2. Hướng dẫn sử dụng MACMap

2.1. Đăng ký

Để sử dụng MACMap, người dùng chỉ cần đăng ký một tài khoản bằng email trên trang web của ITC sau đó có thể đăng nhập và sử dụng tất cả các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC, bao gồm Trade Map (Bản đồ Thương mại), MACMap (Bản đồ Tiếp cận Thị trường), Investment Map (Bản đồ Đầu tư), Trade Competitiveness Map (Bản đồ Cạnh tranh Thương mại), và Standards Map (Bản đồ Tiêu chuẩn). Thông tin chi tiết về các công cụ trên có thể truy cập tại: <https://marketanalysis.intracen.org>

Đăng ký tài khoản sử dụng MacMap và các công cụ trên tại: <https://mas-admintools.intracen.org/accounts/Registration.aspx>

2.1. Hướng dẫn sử dụng nhanh

MACMap bao gồm 6 chuyên mục nội dung, mỗi chuyên mục bao gồm nhiều vấn đề tra cứu. Phần dưới đây sẽ giới thiệu nhanh về nội dung của mỗi chuyên mục để người dùng có một cái nhìn tổng thể về các thông tin có thể tra cứu trên công cụ online này.

Biểu đồ tổng quan các chuyên mục của MACMAP



Quick Search (Tra cứu nhanh)

- Chức năng: tra cứu thuế quan, các biện pháp phi thuế quan, và dữ liệu thương mại cho các sản phẩm (nhóm sản phẩm) trên cơ sở năm một
- Đối tượng phục vụ: các doanh nghiệp liên quan đến xuất nhập khẩu

Advanced Analysis (Nghiên cứu chuyên sâu)

- Chức năng: có thể lấy thông tin của nhiều nước, nhiều sản phẩm và nhiều năm, cho phép tổng hợp nhiều chỉ số, cho phép thực hiện các mô phỏng để so sánh thuế quan trước và sau khi giảm thuế bằng cách sử dụng nhiều công thức khác nhau
- Đối tượng phục vụ: Các nhà phân tích và nhà đàm phán thương mại

Raw Data Download (Tải dữ liệu thô)

- Chức năng: Cho phép tải một lượng lớn dữ liệu theo các định dạng file khác nhau (VD Excel, CSV và Zip)
- Đối tượng phục vụ: Các nhà nghiên cứu thực hiện phân tích sử dụng phương pháp và phần mềm riêng của họ.

Country Analysis (Phân tích theo nước)

- Chức năng: Cung cấp thông tin tổng hợp về thương mại của một nước cụ thể, thuế quan và các biện pháp phi thuế, với các kết nối đến các nguồn thông tin hữu ích khác

Options (Lựa chọn)

- Chức năng: cho phép người dùng thiết lập các lựa chọn mặc định cho nghiên cứu và mô phỏng của mình, bao gồm lựa chọn các nguồn dữ liệu, phương pháp tính toán thuế trung bình và nhóm các nước và sản phẩm.

Support Materials (Tài liệu hỗ trợ)

- Chức năng: Tiếp cận các nguồn và vùng dữ liệu của MacMap, hướng dẫn sử dụng, video học trực tuyến, và các tài liệu hỗ trợ khác giúp người dùng có thể chuyển các dữ liệu thành kiến thức và quyết định

Bảng giới thiệu nội dung và cách sử dụng các Chuyên mục MAcMAP

STT	Chuyên mục	Nội dung	Các vấn đề tra cứu
1	Quick Search (Tra cứu nhanh)	Cho phép tra cứu đơn giản, tập trung vào một sản phẩm cụ thể và nước cụ thể. Ngoài ra mục này còn có các thông tin chi tiết về quy tắc xuất xứ và các yêu cầu về chứng nhận.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm thuế quan - Tìm kiếm các rào cản phi thuế quan - Tìm kiếm các biện pháp phòng vệ thương mại - Các hiệp định thương mại và quy tắc xuất xứ - So sánh thuế quan áp dụng giữa các nước đối với cùng một sản phẩm
2	Avanced Analysis (Nghiên cứu chuyên sâu)	Cho phép tra cứu chuyên sâu và thể hiện kết quả trên màn hình. Trước tiên, người dùng có thể tra cứu thuế của đồng thời nhiều sản phẩm và nhiều nước. Tiếp theo, người dùng có thể thực hiện các mô phỏng giảm thuế sử dụng các công thức cắt giảm thuế khác nhau và kết hợp các nhà nhập khẩu/xuất khẩu/sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích thuế quan - Mô phỏng cắt giảm thuế quan - Thuế quan GTAP - Thuế quan TPP
3	Raw Data Download (Tải dữ liệu thô)	Cho phép người dùng tải một lượng lớn dữ liệu ở các định dạng file khác nhau (Ví dụ Excel, CSV và ZIP)	<ul style="list-style-type: none"> - Tải dữ liệu thuế quan - Tải các biện pháp phi thuế - Tải các số liệu thương mại
4	Country Analysis (Phân tích theo nước)	Cho phép người dùng tiếp cận thông tin tổng thể về thương mại và tiếp cận thị trường một nước cụ thể. Người dùng có thể tìm hiểu về các rào cản thị trường và vị thế thương mại của nước đó.	<ul style="list-style-type: none"> - Top 50 trao đổi thương mại song phương - Top 50 sản phẩm - Thuế quan trung bình - Chế độ thuế quan theo năm - Các ấn phẩm và chỉ số - Link các biện pháp phi thuế quan
5	Options (Lựa chọn)	Mục này cho phép người dùng quản lý các dữ liệu thông tin thường xuyên tra cứu trên MAcMap.	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý theo nhóm nước - Quản lý theo nhóm sản phẩm - Quản lý mặc định (Tra cứu nhanh) - Tài khoản người dùng

6	Tài liệu hỗ trợ	Mục này giúp người dùng tìm hiểu chi tiết về nội dung và cách sử dụng công cụ MACMap	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn người dùng - Học trực tuyến - Mức độ sẵn có của dữ liệu - Phương pháp - Danh mục sản phẩm - Thuật ngữ - Các link hữu ích - Nguồn cung cấp dữ liệu - Sơ đồ trang web - Các câu hỏi đáp thường gặp
---	------------------------	--	---

Ví dụ 1: Tra cứu thuế quan của nước nhập khẩu

Bước 1. Di chuột vào Quick search trên menu ngang và chọn Find tariffs

Bước 2. Trang Find Tariffs hiện ra với giao diện như bên dưới.

Find tariffs
Step 1/2

Search here for [applied tariffs](#) (Most-Favoured-Nation tariffs (MFN tariffs) and preferential tariffs), tariff rate quotas and their ad valorem equivalent (AVE) applied by an **importing country** to one or all **exporting countries**.

Click [here](#) to find crucial market access information or submit an enquiry related to 9 EuroMed countries on the new EuroMed Trade Helpdesk portal.

Importing country:*

Year:*

Product:*

Exporting country:

Bước 3. Lựa chọn:

- Importing country (Nước nhập khẩu): Ví dụ “China” (Trung Quốc)
- Year (Năm): Ví dụ “2018”
- Product (Sản phẩm): Ví dụ “0302390000 – Fish, fresfresh or chilled, excluding fish fillets and other fish meat of heading 03.04....”

- Exporting country (Nước xuất khẩu): có thể chọn “All” là tất cả các nước xuất khẩu vào Trung Quốc, qua đó có thể so sánh được thuế nhập khẩu Trung Quốc áp dụng với từng nước; hoặc cũng có thể chọn một nước cụ thể, ví dụ “Viet Nam”.

Sau đó ấn “Proceed”

Bước 4. Nghiên cứu và phân tích kết quả

Bảng kết quả hiện ra như hình bên dưới, có hai loại thuế nhập khẩu mà Trung Quốc áp dụng đối với sản phẩm mã HS 030239 của Việt Nam, thuế MFN theo WTO là 12% và thuế ưu đãi cho các nước ASEAN trong đó có Việt Nam (theo Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Trung Quốc - ACFTA) là 0%. Doanh nghiệp Việt Nam sẽ chỉ được hưởng thuế ưu đãi 0% nếu đáp ứng được Quy tắc xuất xứ của ACFTA, nếu không sẽ bị áp thuế MFN 12%. Để tìm hiểu về Quy tắc xuất xứ của ACFTA thì có thể tra cứu bằng cách vào mục “Trade agreements and Rules of Origin” trong “Quick search”

Find tariffs Step 2/2

Tariffs applied by China

Product: 030239 - Tunas nes,fresh or chilled,excluding heading No 03.04,livers and roes
Partner: Viet Nam
Data source: ITC (MAcMap)
Year: 2018
Nomenclature: HS Rev.2017
AVE Methodology: AVE based on the World Tariff Profile (WTP)

<< New search << Modify search

Product code	Product description	Tariff regime	Applied tariff (as reported)	Applied tariff (converted)	Total ad valorem equivalent tariff
0302390000	Fish, fresh or chilled, excluding fish fillets and other fish meat of heading 03.04: Tunas (of the genus Thunnus), skipjack or stripe-bellied bonito (Euthynnus (Katsuwonus) pelamis), excluding livers and roes: Other	MFN duties (Applied)	12.00%	12.00%	12.00%
0302390000	Fish, fresh or chilled, excluding fish fillets and other fish meat of heading 03.04: Tunas (of the genus Thunnus), skipjack or stripe-bellied bonito (Euthynnus (Katsuwonus) pelamis), excluding livers and roes: Other	Preferential tariff for ASEAN countries	0%	0%	0%

Page size: 50 2 items in 1 pages

<< New search << Modify search

Ví dụ 2. Tra cứu Quy tắc xuất xứ theo các Hiệp định Thương mại Tự do

Giả sử sau khi tra cứu thuế đối với sản phẩm mã HS “0302390000” và biết được thuế suất ưu đãi theo ACFTA khi xuất khẩu sang Trung Quốc là 0%, doanh nghiệp muốn tìm hiểu về quy tắc xuất xứ của hiệp định này (sản phẩm phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ của ACFTA thì mới được hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định). Khi đó, doanh nghiệp có thể tra cứu quy tắc xuất xứ của ACFTA tại MACMAP thông qua các bước sau:

Bước 1. Di chuột vào Quick search trên menu ngang và chọn Trade agreements and Rules of Origin

Bước 2. Trang Trade agreements and Rules of Origin hiện ra với giao diện như bên dưới:

Trade agreements and Rules of Origin

Step 1/2

Search here for a country's agreements with a selected partner as well as the corresponding rules of origin and certificates for the latest available year.

Country:* as

Partner:

* Indicates mandatory fields.

Bước 3. Lựa chọn:

- Country (Nước): Chọn “China” (Trung Quốc)
- As (là): Chọn “importer”
- Partner (Nước xuất khẩu): Chọn “Viet Nam”

Sau đó ấn “Proceed”

Bước 4. Nghiên cứu kết quả

Bảng kết quả hiện ra như hình bên dưới. Do giữa Việt Nam và Trung Quốc hiện chỉ có duy nhất một FTA chung là ACFTA nên kết quả sẽ chỉ ra một kết quả là Văn kiện về Quy tắc xuất xứ của ACFTA, bao gồm “Text of the Agreement Rules of Origin” là các quy tắc xuất xứ áp dụng đối với hàng hóa để được hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định và “Certificate of Origin” là Mẫu chứng nhận xuất xứ ACFTA.

Trade agreements and Rules of Origin

Step 2/2






List of preferences granted by **China** and the corresponding rules of origin (ROO) and certificates.

Partner: **Viet Nam**

Data source: **ITC (MAcMap)**

<< New search

<< Modify search

Trade agreement description 	Rules of origin 	Certificates / Forms 
<input type="text"/> 	<input type="text"/>	<input type="text"/>
Preferential tariff for ASEAN countries	Text of the Agreement Rules of Origin	Certificate of Origin
Page size: 50 		1 items in 1 pages

<< New search

<< Modify search

Note: The table above contains trade agreements for which tariff data is available in the application. In rare cases the existing agreements are not shown due to the data limitations. Most-Favoured-Nation tariffs (MFN tariffs), general tariff (for non-WTO members) and non-MFN tariffs are not included in the list as neither rules of origin nor certificates/forms are applicable to these categories.

III. CÔNG CỤ EXPORT POTENTIAL MAP (EPM) – BẢN ĐỒ TIỀM NĂNG XUẤT KHẨU CỦA ITC

<http://exportpotential.intracen.org>

1. Giới thiệu chung về Export Potential Map

Tại sao sử dụng Export Potential Map (EPM)?

Công cụ này giúp doanh nghiệp tìm kiếm các thị trường tiềm năng cho sản phẩm xuất khẩu của mình. Dựa trên phương pháp phân tích tiềm năng thị trường và đánh giá sự đa dạng của ITC, EPM đánh giá nhu cầu của người tiêu dùng và các rào cản về thuế quan của các thị trường mục tiêu, cũng như mối quan hệ thương mại giữa thị trường xuất khẩu và thị trường mục tiêu để đưa ra một bảng xếp hạng về các cơ hội chưa được khai thác. EPM cung cấp các thông tin cập nhật và thực tiễn về sản phẩm, thị trường và các nhà cung cấp mà chưa được khai thác, cũng như ưu tiên các lĩnh vực mới với cơ hội thành công cao. Với cơ sở dữ liệu của 226 quốc gia và vùng lãnh thổ, về 4,238 sản phẩm, EPM có thể giúp:

- **Các nhà tư vấn về thương mại:** sử dụng công cụ này để cung cấp các hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp về các cơ hội xuất khẩu chưa được khai thác
- **Các nhà hoạch định chính sách:** có thể tập hợp thông tin về các thị trường xuất khẩu tiềm năng khi xác định các sản phẩm và thị trường ưu tiên để xây dựng các chiến lược xuất khẩu quốc gia và khu vực, cũng như phục vụ cho các đàm phán chính sách thương mại.
- **Các doanh nghiệp:** có thể tận dụng công cụ này để rà soát nhanh các thị trường mục tiêu hấp dẫn cho sản phẩm mình sản xuất và xuất khẩu

EPM cung cấp những gì?

Công cụ này cung cấp các chỉ số về tiềm năng xuất khẩu và đa dạng hóa sản phẩm.

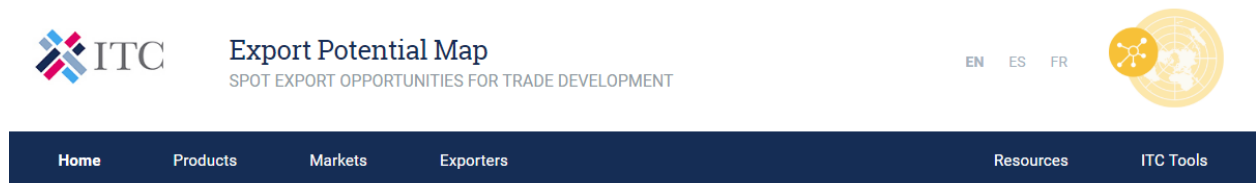
- **Chỉ số tiềm năng xuất khẩu** hỗ trợ các lĩnh vực xuất khẩu đã có gia tăng kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường mới hoặc những thị trường mục tiêu hiện tại. Chỉ số này giúp xác định các sản phẩm mà nước xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh quốc tế và có triển vọng xuất khẩu tốt sang các thị trường mục tiêu cụ thể.
- **Chỉ số đa dạng hóa sản phẩm** giúp đa dạng hóa và phát triển các lĩnh vực xuất khẩu mới đang có nhu cầu gia tăng ở các thị trường mới hoặc các thị trường mục

tiêu hiện tại. Chỉ số này giúp xác định các sản phẩm mà nước xuất khẩu hiện tại chưa có lợi thế cạnh tranh nhưng có tiềm năng xuất khẩu trong tương lai.

2. Hướng dẫn sử dụng

EPM là một công cụ tra cứu miễn phí và khác với các công cụ tra cứu thương mại khác của ITC, người dùng không cần tạo tài khoản cũng có thể sử dụng công cụ này.

EPM gồm 3 chức năng tra cứu chính:



- **“Products”**: tra cứu tiềm năng xuất khẩu của từng sản phẩm của từng nước, từ đó có thể xác định các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu nhất và cả các sản phẩm xuất khẩu có tiềm năng cao nhưng chưa được khai thác đầy đủ.
- **“Markets”**: tra cứu các thị trường xuất khẩu tiềm năng đối với từng sản phẩm của từng nước, từ đó có thể xác định được các thị trường xuất khẩu tiềm năng nhất và các thị trường có tiềm năng nhưng chưa được khai thác nhiều.
- **“Exporters”**: tra cứu các nước có thể mạnh xuất khẩu nhất đối với một sản phẩm, từ đó có thể xác định được đối thủ cạnh tranh.

Ví dụ: Tra cứu tiềm năng xuất khẩu các sản phẩm của Việt Nam

Bước 1. Di chuột vào “Products” trên thanh menu ngang, kết quả hiện ra như hình bên dưới

Export potential

FOR EXPORTER

World

IN MARKET

World

PRODUCTS SUB-SECTORS

Q Search a product by name/code...

- Wheat
- Other cereals
- Oil seeds
- Other food products
- Vegetal residues & animal feed
- Chemicals
- Pharmaceutical components
- Other metals
- Metal products
- Precious metals
- Jewellery & precious metal arti...
- Plastics & rubber

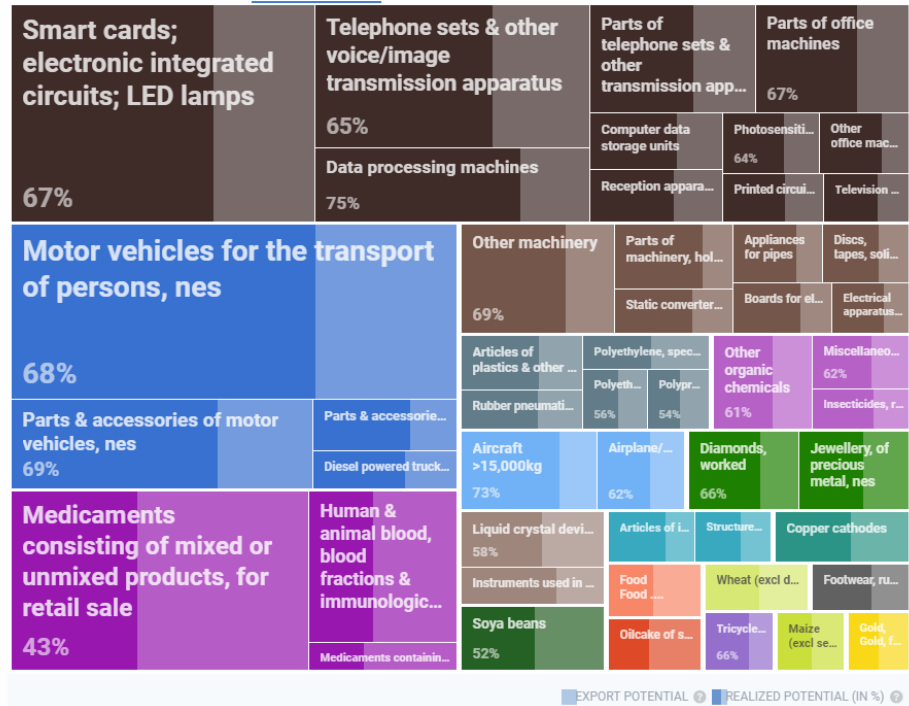
✓ Top 50

Spot export potential with

TREE MAP

GAP CHART

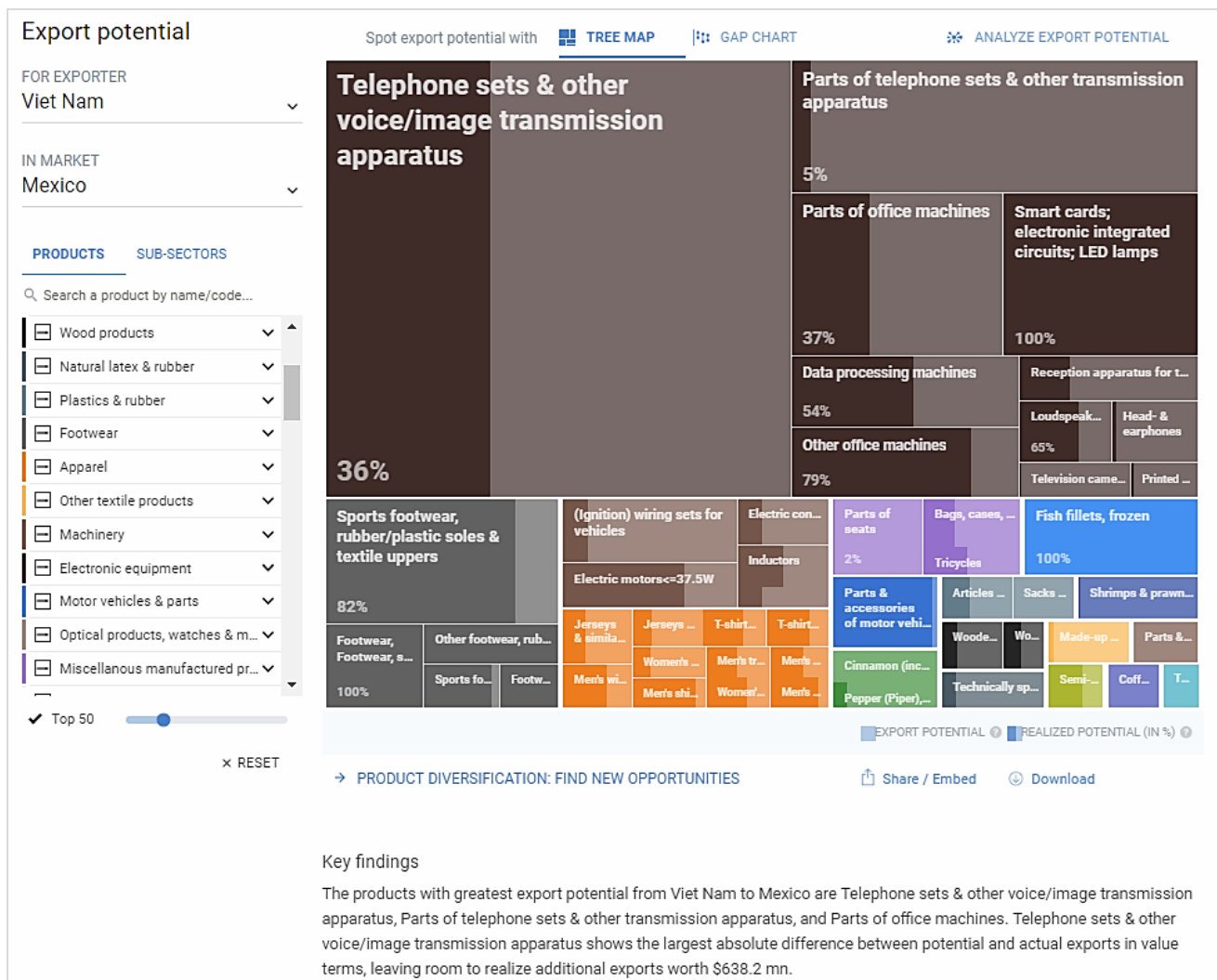
ANALYZE EXPORT POTENTIAL

**Bước 2. Lựa chọn**

- “For exporter” (đối với nước xuất khẩu): có thể lựa chọn “World” (cả thế giới) hoặc lựa chọn một nước bất kỳ, chẳng hạn như “Viet Nam”
- “In market” (tại thị trường): có thể lựa chọn “World” (cả thế giới) hoặc lựa chọn một nước bất kỳ, chẳng hạn như “Mexico”
- “Products” (sản phẩm) hoặc “Sub-sectors” (tiểu ngành): lựa chọn một sản phẩm/tiểu ngành bất kỳ hoặc tất cả, chẳng để tất cả

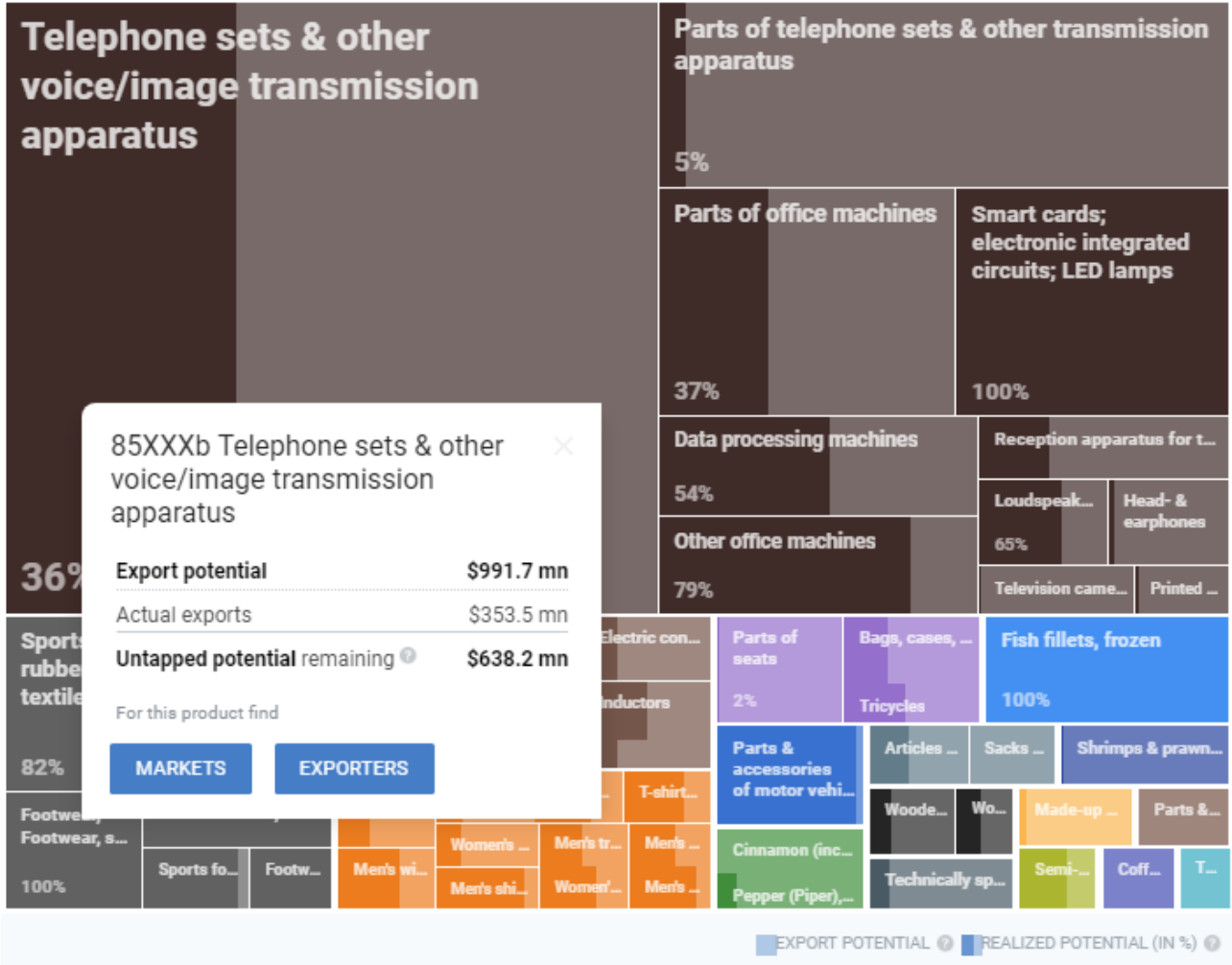
Bước 3. Phân tích kết quả

Kết quả hiện ra như hình bên dưới:



Phần “Key findings” sẽ tóm tắt kết quả tra cứu về các sản phẩm có thế mạnh của Việt Nam khi xuất khẩu sang Mexico và cả những sản phẩm có tiềm năng cao nhưng lượng xuất khẩu thực tế vẫn còn hạn chế.

Đặc biệt, khi di chuột vào từng ô màu (mỗi ô là một loại sản phẩm) sẽ hiện ra thông tin về “Export potential” - tiềm năng xuất khẩu của mỗi sản phẩm, “Actual exports” - kim ngạch xuất khẩu thực tế và “Untapped potential remaining” - cơ hội chưa khai thác đến. Ngoài ra, khi click vào “Markets” hay “Exporters” sẽ dẫn đến trang về các thị trường tiềm năng cho sản phẩm đó hay các nhà xuất khẩu có thế mạnh xuất khẩu sản phẩm đó (đối thủ cạnh tranh).



IV. CÔNG CỤ WORLD DEVELOPMENT INDICATORS (WDI) CỦA WB

<http://databank.worldbank.org/data/source/world-development-indicators>

1. Giới thiệu chung

WDI là một hệ thống cơ sở dữ liệu lớn về các chỉ số phát triển do Ngân hàng Thế giới (WB) xây dựng. WDI bao gồm hơn 1,400 chỉ số về 217 nền kinh tế và hơn 40 nhóm nước trong khoảng thời gian lên tới hơn 50 năm. WDI là một công cụ tra cứu hiện đại và tiện dụng với các chức năng cho phép người dùng lựa chọn và trình bày dữ liệu, thiết lập các biểu đồ và bản đồ. Người dùng cũng có thể thiết lập các bản báo cáo dựa trên việc lựa chọn nước, chỉ số và năm. Tất cả các báo cáo nào đều có thể dễ dàng chỉnh sửa, lưu lại, chia sẻ hoặc nhúng lên website hoặc blog.

6 chủ đề chính của WDI:

- *Đói nghèo và thịnh vượng*: bao gồm các chỉ số đo lường tình trạng đói nghèo của các nước và thúc đẩy chia sẻ sự thịnh vượng giữa các nước.
- *Con người*: bao gồm các chỉ số về giáo dục, sức khỏe, việc làm, giới tính...
- *Môi trường*: bao gồm các chỉ số về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên như nước và năng lượng, và các chỉ số khác nhau về biến đổi khí hậu, ô nhiễm, phá rừng....
- *Kinh tế*: cung cấp một bức tranh toàn cảnh về kinh tế thế giới và mỗi quốc gia thông qua các chỉ số mô tả các hoạt động kinh tế như GDP, lạm phát, tỷ giá, thương mại, tiêu dùng, thuế quan.....
- *Quốc gia và Thị trường*: bao gồm các chỉ số về đầu tư tư nhân, phát triển hệ thống tài chính, chất lượng và mức độ sẵn có của cơ sở hạ tầng, và vai trò của khu vực công trong việc thúc đẩy đầu tư và phát triển.
- *Liên kết toàn cầu*: bao gồm các chỉ số về quy mô và hướng của các dòng và các mối liên kết giúp các nền kinh tế phát triển, bao gồm các biện pháp về thương mại, kiều hối, cổ phần, nợ, du lịch, di trú...

2. Hướng dẫn sử dụng

WDI là một công cụ miễn phí và khác với các công cụ tra cứu thương mại khác, người dùng không cần tạo tài khoản cũng có thể sử dụng công cụ này. Tuy nhiên, người dùng nên tạo tài khoản để có thể sử dụng thêm nhiều chức năng của WDI như lưu trực tuyến các lựa chọn và file đã tra cứu.

Hướng dẫn sử dụng nhanh:

Bước 1. Truy cập WDI tại đường link: <http://databank.worldbank.org/data/source/world-development-indicators>. Kết quả sẽ hiện ra như hình bên dưới

The screenshot shows the World Bank DataBank interface. At the top, there's a navigation bar with 'Table', 'Chart', 'Map', 'Metadata', and 'Download options'. Below that, the 'World Development Indicators' page is displayed. On the left, there's a 'Variables' panel with tabs for 'Layout', 'Styles', 'Save', 'Share', and 'Embed'. It shows filters for Database (70 available, 1 selected), Country (264 available, 0 selected), Series (1580 available, 0 selected), and Time (58 available, 0 selected). On the right, there's a 'Preview' panel with a message: 'Please select variables from each of the following dimensions to view a report. You can select from left panel or by clicking the links above.' with a list of dimensions: Country, Series, and Time. An 'Apply Changes' button is visible at the bottom of the preview panel.

Bước 2. Tiến hành lựa chọn các thông tin cần tra cứu trong phần “Variables”

- **Country** (nước): lựa chọn nước cần tra cứu, có thể lựa chọn một nước hoặc một nhóm nước. Sử dụng công cụ “Search” để tra cứu trực tiếp nước cần tra cứu, hoặc có thể sử dụng công cụ lọc (biểu tượng hình cái phễu) để lọc các nhóm nước theo tiêu chí vùng, thu nhập hoặc là hình thức nợ.

Ví dụ: lựa chọn “Vietnam”

- **Series** (tiêu chí): lựa chọn thông tin cần tra cứu, có thể lựa chọn một loại thông tin hoặc nhiều loại thông tin cùng lúc. Sử dụng công cụ Search để tra cứu trực tiếp thông tin cần tra cứu, hoặc sử dụng công cụ lọc (biểu tượng hình cái phễu) để lọc theo nhóm vấn đề, hoặc sử dụng phân loại vấn đề theo vần A, B, C...

Ví dụ lựa chọn:

- + GDP (current US\$)
- + GDP per capita (current US\$)
- + Trade (% of GDP)
- + Export of goods and services (current US\$)
- + Tariff rate, applied, simple mean, all products (%)

- Time (thời gian): lựa chọn thời gian của thông tin cần tra cứu, có thể lựa chọn 1 năm hoặc nhiều năm cùng một lúc. Sử dụng công cụ Search để tra cứu một năm cụ thể hoặc sử dụng hình thức thể hiện thông tin của 5, 10, 15, 20, 25 hoặc 50 năm gần nhất.

Ví dụ lựa chọn 5 năm gần nhất (từ 2013 đến 2017)

Bước 3. Hiện thị kết quả

Hình thức hiển thị: Kết quả có thể được hiển thị dưới hình thức “Table” (Bảng biểu), “Chart” (Biểu đồ), “Map” (Bản đồ) và có thể cho download dữ liệu về máy tính dưới nhiều hình thức khác nhau (Excel, CSV, Tabbed TXT..).

Chẳng hạn với lựa chọn như các ví dụ ở trên thì kết quả sẽ hiện ra như sau:

The screenshot shows the World Bank DataBank interface. The top navigation bar includes options for 'Table', 'Chart', 'Map', 'Metadata', and 'Download options'. The 'Table' option is highlighted with a red circle. The main content area displays a table of data for Vietnam from 2013 to 2017.

	2013	2014	2015	2016	2017
Exports of goods and services (current US\$)	143,186,372,43	160,889,682,23	173,490,415,45	192,187,638,30	227,345,654,74
GDP (current US\$)	171,222,025,11	186,204,652,92	193,241,108,70	205,276,172,13	223,863,996,35
GDP per capita (current US\$)	1,871.3	2,012.0	2,065.2	2,170.6	2,343.1
Trade (% of GDP)	165.1	169.5	178.8	184.7	200.3
Tariff rate, applied, simple mean, all products (%)	6.7	6.6	6.2	6.4	..

Cách thức hiển thị:

Với lựa chọn “Layout”, người dùng có thể tùy chỉnh cách thức hiển thị của dữ liệu theo hàng ngang, hàng dọc, số liệu trong một trang, tiêu đề đầu cuối... trước khi xuất file và lưu về máy.

The screenshot shows the World Bank DataBank interface with the 'Layout' tab selected in the top navigation bar. The 'Layout' tab is highlighted with a red circle. The 'Orientation' section is visible, showing options for 'Time', 'Series', and 'Country'.

V. CÔNG CỤ TARIFF ANALYSIS ONLINE (TAO) – PHÂN TÍCH THUẾ QUAN TRỰC TUYẾN CỦA WTO

<http://tao.wto.org>

1. Giới thiệu chung

TAO là một công cụ tra cứu trực tuyến miễn phí do WTO xây dựng và duy trì từ năm 2010. TAO bao gồm 2 hệ thống cơ sở dữ liệu: i) Dữ liệu tích hợp (Integrated Database - IDB) cung cấp các thông tin về mức thuế quan áp dụng trên thực tế và số liệu nhập khẩu, và ii) Dữ liệu hợp nhất (Consolidated Tariff Schedules – CTS) cung cấp thông tin về các mức thuế quan cam kết của các nước).

- Dữ liệu tích hợp (IDB) bao gồm các thông tin về:

- Tariff Line Duties (Các dòng thuế quan): thông tin chi tiết về thuế quan theo từng dòng. Ví dụ
- Tariff Averages (Thuế quan bình quân): thông tin về mức thuế quan bình quân đơn giản và bình quân gia quyền
- Principal Suppliers (Các nhà cung cấp chính): cung cấp số liệu nhập khẩu từ tất cả các nhà cung cấp được phân loại theo thị phần
- Duties Comparison (So sánh thuế): So sánh sự khác nhau về mức thuế quan (MFN hoặc thuế quan ưu đãi) của một nước nhập khẩu áp lên cùng một loại sản phẩm từ các nước xuất khẩu khác nhau.
- Duties faced in export markets (thuế áp dụng tại thị trường xuất khẩu): thông tin tóm tắt và chi tiết về các mức thuế quan và số liệu thương mại của các thị trường xuất khẩu.
- HS Subheading Duties (thuế đối với các phân nhóm HS): thông tin chi tiết về thuế quan và số liệu nhập khẩu của các phân nhóm HS.
- Tariff and Trade Profiles (hồ sơ thương mại và thuế quan): thông tin đầy đủ về các loại thuế quan khác nhau khác nhau.
- Principal Products (các sản phẩm chính): phân loại sản phẩm ở cấp độ Chương, Nhóm và Phân nhóm HS và theo mức độ quan trọng về thương mại.
- Status of Bindings (tình trạng cam kết): các mức thuế theo cam kết WTO và các hiệp định thương mại của các nước đối với từng dòng sản phẩm

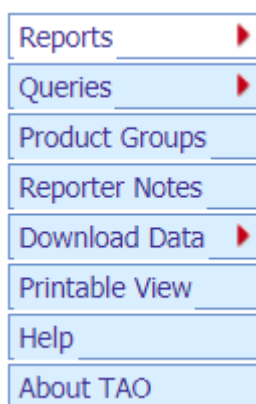
- Cam kết và Thuế cam kết (CTS)

- Tariff concessions (thuế ưu đãi): thông tin chi tiết về các mức thuế cam kết của các nước theo các hiệp định khác nhau
- Tariff Quotas (hạn ngạch thuế quan): cam kết về các mức thuế trong và ngoài hạn ngạch và khối lượng sản phẩm áp dụng hạn ngạch
- Export Subsidies (trợ cấp xuất khẩu): thông tin về mức trợ cấp xuất khẩu của các thành viên WTO theo sản phẩm và dòng thuế

2. Hướng dẫn sử dụng

Đăng ký

Để sử dụng TAO, người dùng chỉ cần đăng ký một tài khoản bằng email tại trên trang web của của TAO tại link: <http://tao.wto.org/> phần “Click here to register” và sau đó có thể sử dụng miễn phí công cụ này.



Các chức năng:

Các chức năng của TAO được thể hiện ở menu bên tay trái của màn hình, bao gồm:

- Chức năng “Reports” được sử dụng để xem các trang báo cáo hoặc thêm các lựa chọn về thuế quan áp dụng trên thực tế (applied tariffs) và thuế quan theo cam kết của các hiệp định thương mại (bound tariffs).
- Chức năng “Queries” được sử dụng để xem hoặc chỉnh sửa các lệnh tìm kiếm, bao gồm lệnh tìm kiếm đối với các dữ liệu về IDB hoặc CTS
- Chức năng “Product groups” được sử dụng để xem, tạo hoặc chỉnh sửa các nhóm sản phẩm mà bạn quan tâm trong các lệnh tìm kiếm
- Chức năng “Download data” cho phép lựa chọn tải dữ liệu theo các lệnh tìm kiếm đã thực hiện và có thể lựa chọn tải một hoặc nhiều nước, một hoặc nhiều năm cùng lúc từ các dữ liệu IDB hoặc CTS hoặc từ cơ sở dữ liệu của WTO. Chức năng này cũng cho phép tải dữ liệu dưới nhiều định dạng khác nhau, như Excel, XML hoặc là Text.

- Chức năng “Printable view” cho phép nhìn hoặc in bất kỳ cửa sổ nào trong định dạng pdf.
- Chức năng “Help” bao gồm các câu hỏi thường gặp khi sử dụng TAO và các định nghĩa, giải thích thuật ngữ sử dụng trong TAO

Hướng dẫn sử dụng nhanh:

Bước 1. Nhấp chuột vào “Make selection” ở bên phải màn hình hoặc nhấp chuột vào “Reports” ở menu trái màn hình và lựa chọn “Applied” hoặc “Bound”. “Bound” hay “Bound tariffs” có nghĩa là thuế quan cam kết của các nước theo các hiệp định thương mại (WTO hoặc các FTA), là mức thuế tối đa mà một nước có thể áp lên một sản phẩm, có nghĩa là nước đó có thể áp thuế bằng hoặc thấp hơn mức đó nhưng không được cao hơn. Trên thực tế, tùy thuộc nhu cầu đối với từng sản phẩm mà một nước có thể áp thuế thực tế (“Applied” hoặc “applied tariffs”) thấp hơn thuế cam kết (“Bound” hoặc “Bound tariffs”). Giả sử lựa chọn “Basic query”, màn hình sẽ hiện ra như sau:

Select Saved Query or Specify New Selection Criteria

Applied Duties and Trade (IDB) Bound Duties (CTS)

Market and Product Selection **Saved Query**

Please specify a market by selecting a country and a year.

Reporting country	Year	Imports	Nomenclature
<input checked="" type="radio"/> Albania	<input checked="" type="radio"/> 2018	No	HS 2017
<input type="radio"/> Algeria	<input type="radio"/> 2017	No	HS 2017
<input type="radio"/> Angola	<input type="radio"/> 2016	No	HS 2012
<input type="radio"/> Antigua and Barbuda	<input type="radio"/> 2015 Rev.3	No	HS 2012
<input type="radio"/> Argentina	<input type="radio"/> 2014	No	HS 2012
<input type="radio"/> Armenia	<input type="radio"/> 2013	No	HS 2012
<input type="radio"/> Australia	<input type="radio"/> 2012 Rev.1	Yes	HS 2012
<input type="radio"/> Bahamas	<input type="radio"/> 2011 Rev.1	Yes	HS 2007

Products

Find Clear Check all Uncheck all

- Total - All products
- + 01 - Live animals
- + 02 - Meat and edible meat offal
- + 03 - Fish and crustaceans, molluscs and other aquatic invertebrates
- + 04 - Dairy produce; birds' eggs; natural honey; edible products of animal origin, not elsewhere specified or included

Code	Description

Bước 2.

- Tại hai đề mục trên cùng, chọn nguồn dữ “Applied Duties and Trade (IDB)” hoặc “Bound Duties (CTS)”. Giả sử chọn “Applied Duties and trade (IDB);
- Tại đề mục “Market and Product Selection” chọn nước xuất khẩu quan tâm. Giả sử chọn “Japan”
- Tại mục “Products lựa chọn một hoặc một nhóm sản phẩm cụ thể quan tâm. Giả sử chọn sản phẩm có mã HS “640420 – Footwear with outer soles of leather or composition leather”
- Nhấp chuột vào “Continue”

Bước 3. Lựa chọn thông tin cần tìm kiếm.

Select Saved Query or Specify New Selection Criteria

Applied Duties and Trade (IDB) Bound Duties (CTS)

Market and Product Selection **Saved Query**

Please specify a market by selecting a country and a year.

	Year	Imports	Nomenclature
<input checked="" type="radio"/>	2017	No	HS 2017
<input type="radio"/>	2016 Rev.4	Yes	HS 2012
<input type="radio"/>	2015 Rev.3	Yes	HS 2012
<input type="radio"/>	2014 Rev.6	Yes	HS 2012
<input type="radio"/>	2013 Rev.2	Yes	HS 2012
<input type="radio"/>	2012 Rev.1	Yes	HS 2012
<input type="radio"/>	2011 Rev.2	Yes	HS 2007
<input type="radio"/>	2010 Rev.1	Yes	HS 2007

Products

- Total - All products
 - 01 - Live animals
 - 02 - Meat and edible meat offal
 - 03 - Fish and crustaceans, molluscs and other aquatic invertebrates
 - 04 - Dairy produce; birds' eggs; natural honey; edible products of animal origin, not elsewhere specified or included

Code	Description
640420	Footwear with outer soles of leather or composition leather

Sau khi nhấp chuột vào “Continue”, màn hình trở về trang chủ:

APPLIED | Japan - 2017 | HS 2017 | All HS Basic query
Extended query

Applied Duties and Trade (IDB)

<p>Tariff Line Duties Detailed information on duties by tariff line. View</p> <p>Tariff Averages Simple and trade-weighted tariff averages.</p> <p>Principal Suppliers Imports from all suppliers ranked by market share.</p> <p>Duties Comparison Comparison of two duty regimes.</p> <p>Duties faced in export markets Summary and detailed views of duties and trade by export market. View</p>	<p>HS Subheading Duties Detailed information on duties and imports by HS Subheading.</p> <p>Tariff And Trade Profiles Tariff and trade information illustrated by ranges of customs duties.</p> <p>Principal Products Products at the HS Chapter, Heading and Subheading levels by importance of trade</p> <p>Status Of Bindings Number of tariff lines and corresponding imports by the binding status, where available.</p>
---	---

Bound Duties and Commitments (CTS)

<p>Tariff Concessions Detailed information on tariff bindings by tariff line.</p> <p>Total AMS Reduction Commitments The Total Aggregate Measure of Support (AMS) reduction commitments by Member.</p>	<p>Tariff Quotas Commitments on in-quota and out-of-quota duties and volumes of products subject to tariff quotas.</p> <p>Export Subsidies Information on Members' Export Subsidy commitments by product and tariff line.</p>
--	---

Lựa chọn thông tin cần tìm kiếm ở các mục IDB

Giả sử muốn xem mức thuế áp dụng chi tiết đến cấp độ Phân nhóm HS, nhấp chuột vào “HS Subhedding Duties” trong mục IDB. Kết quả hiện ra như bên dưới.

APPLIED | Japan - 2017 | HS 2017 | All HS Basic query
Extended query

HS Subheading Duties [Download Data](#) [View in PDF](#) [View Graph](#)

Query name
Query description

Product: 640420 - Footwear with outer soles of leather or composition leather

Subheading: 640420 - Footwear with outer soles of leather or composition leather (1)

Subheading description with hierarchy

64 Footwear, gaiters and the like; parts of such articles

6404 Footwear with outer soles of rubber, plastics, leather or composition leather and uppers of textile materials.

640420 - Footwear with outer soles of leather or composition leather

The number of lines shown is that for the calculation of the simple averages and may differ from those shown for other reports, which present the number of lines used in the calculation of the weighted average (excluding items recorded under the member lines (tariff suffixes 01-99)).

Duty type	Applied duties				Number of Tariff Lines			All excl. NA		Dutiable		Specific duty
	Description	All excl. NA	Dutiable	Duty free	N.A.	Avg.	Min.	Max.	Avg.			
01	MFN current bound duty rates	7	7	0	3	21.94	6.70	30.00	21.94	30% or 4,300yen/pair, whichever is the greater		
02	MFN applied duty including an amount collected by the Government of Japan or its agents	7	7	0	3	21.94	6.70	30.00	21.94	30% or 4,300yen/pair, whichever is the greater		
11	Free-trade agreement duty rate for Mexico	4	0	4	0	0.00	N.A.	N.A.	N.A.	-		
12	Free-trade agreement duty rate for Malaysia	4	0	4	0	0.00	N.A.	N.A.	N.A.	-		
13	Free-trade agreement duty rate for Chile	4	0	4	0	0.00	N.A.	N.A.	N.A.	-		
14	Free-trade agreement duty rate for Thailand	4	0	4	0	0.00	N.A.	N.A.	N.A.	-		
15	Free-trade agreement duty rate for Indonesia	10	9	1	0	15.29	1.60	30.00	16.99	-		
17	Free-trade agreement duty rate for the Philippines	10	10	0	0	15.55	0.60	30.00	15.55	-		
18	Free-trade agreement duty rate for Switzerland	10	10	0	0	17.64	5.30	30.00	17.64	-		
19	Free-trade agreement duty rate for Viet-Nam	10	10	0	0	17.64	5.30	30.00	17.64	-		
1A	ASEAN free trade agreement	10	10	0	0	17.16	5.20	30.00	17.16	-		
1B	Free-trade agreement duty rate for Peru	10	10	0	0	17.14	0.80	30.00	17.14	-		
1C	Free-trade agreement duty rate for India	10	10	0	0	17.30	2.40	30.00	17.30	-		
1D	Free-trade agreement duty rate for Australia	10	10	0	0	19.28	4.30	30.00	19.28	-		
50	Least Developed Countries (LDC) duties	10	0	10	0	0.00	N.A.	N.A.	N.A.	-		
80	General duty	4	4	0	6	22.90	10.00	30.00	22.90	60% or 4,800yen/pair, whichever is the greater		
Binding		HS Nomenclature	Implement By									
Bound	MFN final bound duty	HS 1996	2002	7	7	0	3	21.94	6.70	30.00	21.94	[30% or 4,300yen/pair, whichever is the greater] [20% or 4,300yen/pair, whichever is the greater] [20% or 4,300yen/pair, whichever is the greater]
Bound	MFN final bound duty	HS 2002		7	7	0	3	21.94	6.70	30.00	21.94	[30% or 4,300yen/pair, whichever is the greater] [20% or 4,300yen/pair, whichever is the greater] [20% or 4,300yen/pair, whichever is the greater]

Please note that due to changes in HS nomenclature an exact correspondence between bound and applied rates cannot automatically be generated in all cases. In order to avoid showing information based on standard correlations which may not reflect the specific Member's situation, the information on the corresponding bound rates and/or binding status is only shown in cases when subheadings are not affected by changes in HS nomenclature. Users interested in comparing bound and applied duties based on standard correlation tables are referred to the [Tariff Download Facility](#)

Values in thousands of US\$. Number of decimals: Zero

Bước 4. Phân tích kết quả

Với lựa chọn như ở các phần trên, kết quả sẽ ra các loại thuế áp dụng đối với sản phẩm HS 640420, bao gồm thuế MFN cam kết và áp dụng, và thuế đối với các đối tác theo các FTA, và thuế phổ thông.